TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1018/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng;
2. Ông Phạm Thế Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh*:* Bà Trương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh – số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 845/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3844/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê T - Sinh năm: 1969 *(có đề nghị vắng mặt)*

Địa chỉ: đường P, phường B (trước là Phường 12, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B- Sinh năm: 1976 *(có đề nghị vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 29/16 đường 41, phường Bình Trưng (trước là phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện đang thi hành án tại Trại giam Thủ Đức (Z30D), địa chỉ: Thôn 15, xã Tân Minh, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Lê T trình bày ông Th và bà Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn ngày 06/11/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không ai hiểu ai dẫn đến thường xuyên cãi vả, cuộc sống chung rất nặng nề, mệt mỏi, đã ly thân 02 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông Th đề nghị được ly hôn với bà B. Về con

chung, giữa ông Th và bà B có 02 con chung là Nguyễn Song Th (giới tính nam, sinh năm 2004, đã trưởng thành) và Nguyễn Song T (giới tính nữ, sinh ngày 13/6/2007, đã trưởng thành). Về tài sản chung, nợ chung không có. ông Th đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị B trình bày sau thời gian tìm hiểu, bà B và ông Th tự nguyện kết hôn. bà B không đồng ý ly hôn vì còn thương ông Th, còn thương 02 con, muốn vợ chồng chung sống để 02 con có đủ cha mẹ. Giữa bà B và ông Th có 02 con chung là Nguyễn Song Th và Nguyễn Song T, đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không có. Hiện do bà B đang thi hành án tại Trại giam Thủ Đức (Z30D) do đó đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có đề nghị vắng mặt. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bcủa ông Nguyễn Lê T; các con chung đã trưởng thành; tài sản chung, nợ chung không có; án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Lê T có đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị B; tại thời điểm ông Th nộp đơn xin ly hôn thì bà B có địa chỉ thường trú tại phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh)

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th và bà B có đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà B và ông Th được Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 06/11/2003, căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. ông Th nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà B; bà B không đồng ý ly hôn vì còn thương ông Th. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai bên, vợ chồng phải chung sống và có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;

cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tuy nhiên hiện cả hai không thể thực hiện tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không duy trì. Căn cứ Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Th về việc được ly hôn với bà B.

[2.2] Về con chung: Tự khai của ông Th và bà B phù hợp với Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2004 cho Nguyễn Song Th và ngày 25/6/2007 cho Nguyễn Song T. Do đó xác định Nguyễn Song Th và Nguyễn Song T là con chung của ông Th và bà B. Do các con chung giữa ông Th bà B đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông Th và bà B cùng trình bày không có.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định nêu trên.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng do ông Th chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lê T:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Lê T được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

1.2 Về con chung: Ông Nguyễn Lê T và bà Nguyễn Thị Bcó 02 con chung tên Nguyễn Song Th (giới tính nam, sinh năm 2004) và Nguyễn Song T (giới tính nữ, sinh ngày 13/6/2007). Hai con chung đã trưởng thành.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Lê T và bà Nguyễn Thị Bcùng xác nhận không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng do ông Nguyễn Lê T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Lê T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028086 ngày

20/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Lê T đã nộp đủ.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 06/11/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị kể từ ngày Bản án này có hiệu lực.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Lê T, bà Nguyễn Thị Bvắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ Bản án. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Khu vực 2 - TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - TPHCM);
- UBND P. An Khánh, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh